

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ
TIN HỌC TRÌNH ĐỘ B**

Kỳ kiểm tra lần thứ 02, ngày 12/3/2017

(Ban hành theo quyết định số: 193/QĐ-ĐHVH ngày 31 tháng 3 năm 2017)

STT	MSSV	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
1	VHU.THB.02.004	Lữ Bích	Châu	Nữ	20/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.20	Trung bình	
2	VHU.THB.02.006	Tổng Thị Linh	Đa	Nữ	23/5/1995	Quảng Ngãi	5.40	Trung bình	
3	VHU.THB.02.007	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	03/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	Trung bình	
4	VHU.THB.02.009	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	03/5/1996	Quảng Nam	5.20	Trung bình	
5	VHU.THB.02.011	Phan Thanh	Dũng	Nam	03/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.40	Trung bình	
6	VHU.THB.02.012	Nguyễn Lâm Hoàng	Dũng	Nam	19/10/1995	Đắk Lắk	6.00	Trung bình	
7	VHU.THB.02.013	Nguyễn Trường	Giang	Nam	14/10/1995	Hà Nội	6.60	Trung bình	
8	VHU.THB.02.015	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	18/8/1995	Đồng Nai	6.80	Trung bình	
9	VHU.THB.02.016	Lâm Bích	Hằng	Nữ	06/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	Trung bình	
10	VHU.THB.02.018	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền	Nữ	26/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	Trung bình	
11	VHU.THB.02.019	Hứa Trung	Hiếu	Nam	13/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	7.20	Khá	
12	VHU.THB.02.021	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	07/8/1995	Quảng Ngãi	5.00	Trung bình	
13	VHU.THB.02.025	Trần Thị Hồng	Huyền	Nữ	22/11/1995	Bến Tre	8.60	Giỏi	
14	VHU.THB.02.027	Phạm Dương Kiều	Khanh	Nữ	05/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.20	Trung bình	
15	VHU.THB.02.029	Trần Thị Bích	Khương	Nữ	10/12/1995	Bình Định	5.80	Trung bình	
16	VHU.THB.02.031	Danh Văn □	Lạc	Nam	14/10/1990	Cà Mau	5.00	Trung bình	
17	VHU.THB.02.032	Vô Thị Mộng	Lài	Nữ	15/01/1994	Quảng Ngãi	5.40	Trung bình	
18	VHU.THB.02.035	Phan Thị Mỹ	Lý	Nữ	15/8/1994	Bình Định	6.40	Trung bình	
19	VHU.THB.02.037	Vô Trà	Mi	Nữ	18/03/1995	Tây Ninh	5.20	Trung bình	
20	VHU.THB.02.038	Nguyễn Phan Lê	Na	Nữ	24/01/1994	Long An	7.00	Khá	
21	VHU.THB.02.040	Tạ Tổ	Ngân	Nữ	31/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.40	Trung bình	
22	VHU.THB.02.041	Nguyễn Ngọc Tuyết	Ngân	Nữ	17/3/1993	Tiền Giang	8.20	Giỏi	
23	VHU.THB.02.047	Nguyễn Thị Đăng	Nhiên	Nữ	21/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.60	Trung bình	
24	VHU.THB.02.049	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	Nữ	06/10/1995	Bến Tre	5.40	Trung bình	
25	VHU.THB.02.051	Phan Thanh	Phong	Nữ	06/01/1994	Ninh Thuận	6.50	Trung bình	
26	VHU.THB.02.052	Nguyễn Hồng	Phúc	Nữ	25/9/1994	Đồng Nai	5.50	Trung bình	
27	VHU.THB.02.054	Thạch Thị	Phúc	Nữ	1989	Trà Vinh	8.00	Giỏi	
28	VHU.THB.02.055	Từ Ngân	Phụng	Nữ	35038	Đồng Tháp	6.00	Trung bình	
29	VHU.THB.02.057	Bùi Cát	Phượng	Nữ	20/6/1995	Đà Nẵng	5.00	Trung bình	
30	VHU.THB.02.059	Lê Thiện	Quý	Nam	04/6/1994	Huế	7.50	Khá	
31	VHU.THB.02.061	Trần Huỳnh Phương	Quyên	Nữ	07/9/1995	Tiền Giang	6.50	Trung bình	
32	VHU.THB.02.063	Vương Tuệ	Tâm	Nữ	06/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	8.00	Giỏi	
33	VHU.THB.02.064	Trần Thụy Thanh	Thảo	Nữ	10/01/1994	Tiền Giang	7.00	Khá	

STT	MSSV	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
34	VHU.THB.02.065	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Nữ	03/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	Trung bình	
35	VHU.THB.02.066	Ngô Nguyễn Mai	Thảo	Nữ	05/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.00	Trung bình	
36	VHU.THB.02.067	Trương Thị Bích	Thảo	Nữ	16/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.00	Trung bình	
37	VHU.THB.02.069	Trần Hoài	Thương	Nữ	16/11/1995	Bình Định	7.50	Khá	
38	VHU.THB.02.070	Phạm Huỳnh Niệm	Thương	Nữ	25/6/1995	Tp. Hồ Chí Minh	8.00	Giỏi	
39	VHU.THB.02.078	Cao Thị Thủy	Tiên	Nữ	26/9/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.50	Trung bình	
40	VHU.THB.02.079	Bế Thị Thủy	Tiên	Nữ	02/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.50	Trung bình	
41	VHU.THB.02.080	Trương Văn	Tiến	Nam	11/7/1994	Ninh Thuận	5.50	Trung bình	
42	VHU.THB.02.081	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	22/9/1994	Bình Phước	8.50	Giỏi	
43	VHU.THB.02.082	Võ Lê Thu	Trang	Nữ	07/01/1995	Ninh Thuận	5.00	Trung bình	
44	VHU.THB.02.084	Dương Thị Huệ	Trình	Nữ	09/10/1995	Long An	5.00	Trung bình	
45	VHU.THB.02.087	Nguyễn Nhật	Trung	Nam	10/9/1994	Bình Phước	6.50	Trung bình	
46	VHU.THB.02.088	Nguyễn Minh	Trung	Nam	07/7/1993	Bến Tre	6.00	Trung bình	
47	VHU.THB.02.092	Lương Anh	Việt	Nam	24/04/1995	Huế	8.50	Giỏi	
48	VHU.THB.02.096	Trần Thị	Xuân	Nữ	18/9/1994	Nghệ An	6.00	Trung bình	

HIỆU TRƯỞNG

Tổng số TS được cấp CC:48

Trong đó:

Loại Giỏi:7

Loại Khá:5

Loại Trung bình:36

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ
TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)**

Kỳ kiểm tra lần thứ 02, ngày 12/3/2017

(Ban hành theo quyết định số: 193/QĐ-ĐHVH ngày 31 tháng 3 năm 2017)

STT	Số báo danh	Họ	Tên	Nam/ Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.001	Lê Hoàng	Diệu	Nam	30/01/1974	Tiền Giang	6.50	
2	VHU.TAB1.02.002	Trần Anh	Đức	Nam	26/3/1984	Hà Tĩnh	5.88	
3	VHU.TAB1.02.003	Phan Nhật	Dương	Nam	22/6/1991	Phú Yên	5.50	
4	VHU.TAB1.02.004	Đào Cao Thùy	Dương	Nữ	20/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	6.38	
5	VHU.TAB1.02.005	Đinh Thị Bích	Hà	Nữ	01/12/1986	Đắk Lắk	7.88	
6	VHU.TAB1.02.006	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	17/02/1979	Bến Tre	7.75	
7	VHU.TAB1.02.008	Lê Thị Minh	Hằng	Nữ	17/02/1992	Bình Dương	6.38	
8	VHU.TAB1.02.009	Đoàn Thị Bích	Hạnh	Nữ	05/01/1984	Quảng Bình	6.63	
9	VHU.TAB1.02.010	Đinh Hải	Hồ	Nam	09/8/1975	Tp. Hồ Chí Minh	6.25	
10	VHU.TAB1.02.011	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Nữ	01/3/1986	Nghệ An	8.38	
11	VHU.TAB1.02.012	Dương Bửu	Khang	Nam	20/7/1984	Tp. Hồ Chí Minh	6.63	
12	VHU.TAB1.02.013	Lâm Thùy	Linh	Nữ	30/8/1990	Cà Mau	7.38	
13	VHU.TAB1.02.014	Võ Mỹ	Linh	Nữ	18/12/1995	Lâm Đồng	5.63	
14	VHU.TAB1.02.015	Lê Thị Ngọc	Loan	Nữ	05/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	5.13	
15	VHU.TAB1.02.016	Nguyễn Công	Long	Nam	20/10/1987	Hà Tĩnh	6.13	
16	VHU.TAB1.02.018	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/01/1968	Sài Gòn	6.75	
17	VHU.TAB1.02.020	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	17/5/1983	Bến Tre	7.75	
18	VHU.TAB1.02.021	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	14/10/1984	Tiền Giang	7.88	
19	VHU.TAB1.02.022	Võ Chí	Tài	Nam	13/12/1979	Long An	6.25	
20	VHU.TAB1.02.023	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	07/10/1980	Tp. Hồ Chí Minh	7.88	
21	VHU.TAB1.02.024	Nguyễn Hữu	Thanh	Nam	23/02/1984	Đồng Tháp	6.13	
22	VHU.TAB1.02.025	Võ Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	29/9/1981	Tp. Hồ Chí Minh	7.50	
23	VHU.TAB1.02.026	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	12/4/1995	Đồng Tháp	6.50	
24	VHU.TAB1.02.027	Phù Thị Thùy	Trang	Nữ	30/4/1985	Quảng Ngãi	7.63	
25	VHU.TAB1.02.028	Trịnh Thị Thanh	Tuyền	Nữ	15/9/1995	Đồng Tháp	6.88	

HIỆU TRƯỞNG

Tổng số TS được cấp CC:

25